

Phụ lục I

DỰ KIẾN CÁC MỤC TIÊU CHỦ TIÊU VÀ NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2026-2030, NĂM 2026

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày 08/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tây Hạ)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch GD 2026-2030				DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2026				DỰ KIẾN KINH PHÍ														Ghi chú	
		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Số lượng hoạt động thụ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2026-2030 (%)	Giai đoạn 2026-2030						Năm 2026								
											NSTW			NSDP			Vốn huy động	NSTW			NSDP				Vốn huy động
		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/t hôn, bản...)	Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/th ôn, bản...)		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	471		5.200		97		1.120		162	7.224.000	12.000	7.212.000	1.083.600	1.800	1.081.800	0	1.804.400	2.000	1.802.400	270.660	300	270.360		
1	Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở (Vốn SN)	0																							
2	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở (Vốn SN)	0																							
3	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề (Vốn SN)	5	công trình	1200	công trìn	1	15	300	15	100	3.600.000	0	3.600.000	540.000	0	540.000	0	900.000	0	900.000	135.000	0	135.000	0	
+	Hỗ trợ đất sản xuất																								
+	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	60	lớp	1200	lớp	15	lớp	300	người	25	3.600.000	0	3.600.000	540.000	0	540.000	0	900.000	0	900.000	135.000	0	135.000	0	
4	Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt																								
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (Vốn SN)	400	công trình	1600	người	80	công trình	320	người	20	12.000	0	12.000	1.800		1.800	0	2.400	0	2.400	360	0	360	0	
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung (Vốn ĐT)	6	công trình	1200	Hộ	1	công trình	200	Hộ	16,67	12.000	12.000	0	1.800	1.800	0	0	2.000	2.000	0	300	300	0	0	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	40	công trình	800	hộ	8	công trình	160	hộ	40	36000	36000	0	5400	5400	0	0	7200	7200	0	1080	1080	0	0	
-	Dự án ĐCĐC tập trung	20	công trình	500	hộ	4	công trình	100	hộ	20	20.000	20.000	0	3.000	3.000	0	0	4.000	4.000	0	600	600	0	0	
-	Dự án ĐCĐC xem ghép	20	công trình	300	hộ	4	công trình	60	hộ	20	16.000	16.000	0	2.400	2.400	0	0	3.200	3.200	0	480	480	0	0	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	12	Dự án/mô hình	36	Doanh nghiệp/ hộ	4	Dự án/mô hình	32	Doanh nghiệp/h ộ	66,67	24000	24000	0	3600	3600	0	0	8000	8000	0	1200	1200	0	0	
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	0		0							0						0								
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	6	dự án	6	Doanh nghiệp	2	dự án	2	Doanh nghiệp	33,33	12000	12000	0	1800	1800	0	0	4000	4000	0	600	600	0	0	
-	- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	3	dự án	3	Doanh nghiệp	1	dự án	1	Doanh nghiệp	33,33	6.000	6.000	0	900	900	0	0	2.000	2.000	0	300	300	0	0	
	- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý	3	dự án	3	Doanh nghiệp	1	dự án	1	Doanh nghiệp	33,33	6.000	6.000	0	900	900	0	0	2.000	2.000	0	300	300	0	0	
	- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN	0																							
3	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng DTTS&MN	6	Mô hình	30	hộ	2	Mô hình	30	Doanh nghiệp	33,33	12.000	12.000	0	1.800	1.800	0	0	4.000	4.000	0	600	600	0	0	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	16	công trình	440	hộ/người	3	công trình	80	hộ/người	18,75	20000	20000	0	3000	3000	0	0	4000	4000	0	600	600	0	0	
1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	12	công trình	360	hộ	2	công trình	60	hộ	16,67	12.000	12.000	0	1.800	1.800	0	0	2.000	2.000	0	300	300	0	0	
2	Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc	4	công trình	80	người	1	công trình	20	người	25,00	8.000	8.000	0	1.200	1.200	0	0	2.000	2.000	0	300	300	0	0	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	70		1475		14		295		80	15600	10000	5600	2340	1500	840	0	2840	2000	840	426	300	126	0	0

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch GD 2026-2030				DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2026				DỰ KIẾN KINH PHÍ													Ghi chú		
		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Số lượng hoạt động hỗ trợ		Số lượng đối tượng thụ hưởng		Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu KH GD 2026-2030 (%)	Giai đoạn 2026-2030						Năm 2026								
											NSTW			NSDP			Vốn huy động	NSTW			NSDP			Vốn huy động	
		Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/ thôn, bản...)	Số lượng	Đvt (mô hình/công trình/diện tích/lớp học...)	Số lượng	Đvt (hộ/lượt người/ doanh nghiệp/ thôn, bản...)		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT	Vốn SN		Tổng	Vốn ĐT	Vốn SN	Cộng	Vốn ĐT			Vốn SN
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	5	công trình	75	người	1	công trình	15	người	20,00	10.000	10.000	0	1.500	1.500	0	0	2.000	2.000	0	300	300	0	0	
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	5	lớp	200	người	1	lớp	40	người	20,00	600	0	600	90	0	90	0	120	0	120	18	0	18	0	
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	50	lớp	1000	người	10	lớp	200	người	20,00	3.000	0	3.000	450	0	450	0	600	0	600	90	0	90	0	
4	Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	10	lớp	200	người	2	lớp	40	người	20,00	2.000	0	2.000	300		300		120		120	18		18		
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	5	hoạt động	300	người	1	hoạt động	60	người	20	2.500		2.500	375		375	0	500		500	75		75		
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	10	hoạt động	200	người	2	hoạt động	80	người	20	1.000		1.000	150		150		10		10	2		2		
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	20	hoạt động	200	người	4	hoạt động	40	người	20	100		100	15		15		20		20	3		3		
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	100	Mô hình/hoạt động	3700	hộ/người	20	Mô hình/hoạt động	740	hộ/người	40	48000	0	48000	7200	0	7200	0	9600	0	9600	1440	0	1440		
1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	70	Mô hình/hoạt động	700	hộ	14	Mô hình	140	người	20	42.000		42.000	6.300		6.300		8.400		8.400	1.260		1.260		
2	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.	30	hoạt động	3000	người	6	hoạt động	600	người	20	6.000		6.000	900		900		1.200		1.200	180		180		
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	27	Công trình/hoạt động	3070	Người/lượt	8	Công trình/hoạt động	1264	Người/lượt	0,30	14500	12000	2500	2175	1800	375	0	5500	5000	500	75	0	75	0	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG	5	hoạt động	60	người	1	hoạt động	12	người	20	500		500	75		75		100		100	15		15		
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	12	công trình	3000	người	5	công trình	1250	người	41,67	12.000	12.000	0	1.800	1.800	0	0	5.000	5.000	0	0	0	0		
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT	10	hoạt động	10	lượt	2	hoạt động	2	lượt	20	2.000		2.000	300		300	0	400		400	60	0	60		
Tổng cộng		731		14.621		153		3.711		427	7.349.700	78.000	7.271.700	1.102.455	11.700	1.090.755	0	1.834.870	21.000	1.813.870	274.481	2.400	272.081	0	0

Phụ lục 2

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày 08/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tây Hạ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030			Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		
								NSTW	NS tỉnh	
1	2	3		4	5	6	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG						178.703	160.358	18.345	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						9.800	8.820	980	
	Nội dung: Công trình nước sinh hoạt tập trung						9.800	8.820	980	
01	Nâng cấp NSH xóm ông Diêm			xã Sơn Tây Hạ	12hộ	2026	800	720	80	
02	Nâng cấp NSH xóm ông Tú			xã Sơn Tây Hạ	29 hộ	2027	1.200	1.080	120	
03	Nâng cấp NSH xóm ông Miên			xã Sơn Tây Hạ	15 hộ	2028	1.000	900	100	
04	Nâng cấp NSH xóm ông Ngút			xã Sơn Tây Hạ	35 hộ	2028	1.400	1.260	140	
05	Nâng cấp NSH xóm ông Ngậy			xã Sơn Tây Hạ	21 hộ	2029	1.500	1.350	150	
06	Nâng cấp NSH xóm ông Tân			xã Sơn Tây Hạ	33 hộ	2029	1.400	1.260	140	
07	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm xã			xã Sơn Tây Hạ	155 hộ	2030	2.500	2.250	250	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết						115.000	103.500	11.500	
01	Khu tái định cư tập trung Nước Lãng, thôn Nước Kìa			xã Sơn Tây Hạ	45 hộ	2026	30.000	27.000	3.000	
02	Điểm định canh, định cư xóm ông Ghành		C	xã Sơn Tây Hạ	4,6 ha	2026-2030	40.000	36.000	4.000	
03	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư (tái định canh, định cư tập trung) khu dân cư số 7, thôn Mang Rễ, xã Sơn Tây Hạ		C	xã Sơn Tây Hạ	47 hộ	2026-2030	45.000	40.500	4.500	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Công suất thiết kế	Thời gian thực hiện	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030			Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		
								NSTW	NS tỉnh	
1	2	3		4	5	6	14	15	16	17
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						33.703	29.695	4.008	
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN						33.703	29.695	4.008	
01	Xây dựng đường lên thác Lụa, thôn Bà He		C	xã Sơn Tây Hạ	1500m	2026	5.003	4.350	653	
02	Đường điện 0,4Kv xóm ông Xoa, thôn Xà Ruông		C	nt	22 hộ	2026	3.000	2.700	300	
03	Xây dựng bờ kè chống sạt lở trụ sở làm việc UBND xã giai đoạn 2		C	nt	Khoảng 60m	2026	2.500	2.250	250	
04	Nâng cấp Đập Ka Năng I		C	nt	10.35 ha	2026	2.500	2.250	250	
05	Nâng cấp Đập Ka Rơn		C	nt	1.96 ha	2027	900	810	90	
06	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải		C	nt	Khoảng 100m2	2027	1.000	900	100	
07	Xây dựng vườn Thuốc Nam		C	nt	Khoảng 100m2	2028	800	720	80	
08	Nâng cấp Đập Xà Ruông		C	nt	43.58 ha	2030	3.500	3.150	350	
09	Đường BTXM vào khu sản xuất đập nước Beo, thôn Mang Rễ		C	Thôn Mang Rễ, xã Sơn Tây Hạ	L= 1.000 m	2026	1.400	1.190	210	
10	Đường BTXM vào khu sản xuất cánh đồng 21 ha, thôn Tà Ngàm		C	Thôn Tà Ngàm	L=1.500 m	2026	1.900	1.615	285	
11	Đường BTXM từ nhà ông Đinh Kròa đến nhà ông Đinh Văn Đập, thôn Tà Ngàm		C	Thôn Tà Ngàm	L=200 m	2026	1.100	935	165	
12	Nâng cấp Đài truyền thanh xã		C	xã Sơn Tây Hạ		2027	900	765	135	
13	Nâng cấp đập Nước Bu		C	Thôn Mang Trầy	Tưới 5 ha	2029	1.100	935	165	
14	Đường BTXM vào khu sản xuất thôn Mang Trầy		C	Thôn Mang Trầy	L= 1.000 m	2028	1.400	1.190	210	
15	Đường BTXM vào khu sản xuất cánh đồng nước La		C	Thôn Tà Ngàm	L=1.500 m	2028	1.900	1.615	285	
16	Kè chống sạt lở khu dân cư A Máy		C	xã Sơn Tây Hạ	120m	2026	3.000	2.700	300	
17	Trạm giao liên quân bưu số 8 (Trạm Chín Cô) xã Sơn Màu (cũ)		C	nt	0,1 ha	2029	700	630	70	
18	Đài tưởng niệm Liệt sỹ xã Sơn Màu (cũ)		C	nt	0,2ha	2030	1.100	990	110	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						16.000	14.545	1.455	

[illegible]